TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/LĐ-ST
Ngày: 22-11-2019
V/v tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-LĐ ngày 10-01-2019 về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2019/QĐXXST-LĐ, ngày 15-10-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Cao L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ B, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 30-7-2018); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty V;

Địa chỉ trụ sở: Lô C, Khu công nghiệp Q, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi;

Địa chỉ trụ sở: Số D, đường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thành V, chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ - Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: số E, đường B, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1545/UQ-BHXH ngày 23-10-2019); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Cao L (do bà Đinh Thị Thanh T đại diện) trình bày:*

Ông L làm việc tại Nhà máy bao bì, thuộc Công ty Đ Quảng Ngãi từ năm 1995, đến năm 2003 do thực hiện chủ trương cổ phần hóa nên nhà máy chuyển thành Công ty V, trong thời gian này ông vẫn tiếp tục làm việc cho Công ty V cho đến ngày 07/12/2015 thì chấm dứt hợp đồng lao động. Kể từ tháng 12-2013 tháng 11-2015, Công ty V không đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp mặc dù hàng tháng Công ty V đều trừ các khoản bảo hiểm theo lương của ông (phần mà người lao động phải đóng theo quy định của pháp luật) và nợ tiền ốm đau, chế độ nghỉ việc, chế độ thất nghiệp của ông (do Công ty không đóng bảo hiểm các loại). Sau đó, Công ty V đã đóng được một số khoản như bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Tính đến 31-10-2019 Công ty V chưa đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông là 22.034.521 đồng và tiền lãi chậm đóng là 13.400.721 đồng.

Ban đầu khi khởi kiện, do nhầm lẫn nên trong đơn ghi yêu cầu Công ty V đóng các khoản gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; thực tế, tại thời điểm khởi kiện (ngày 20-12-2018) Công ty V chỉ còn nợ 02 khoản là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông là 22.034.521 đồng và tiền lãi chậm đóng tính đến 31-10-2019 là 13.400.721 đồng.

** Bị đơn Công ty V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi là ông Lê Thành V trình bày:*

Kể từ tháng 12-2013 đến tháng 11-2015, Công ty V không đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông L. Đến cuối năm 2018, Công ty V đã nộp các khoản bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Do đó, Công ty V phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông Trần Cao L là 22.034.521 đồng và chịu lãi chậm đóng bảo hiểm được tính đến hết tháng 10-2019 là 13.400.721 đồng, tổng cộng là 35.435.242 đồng (ba mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng); kể từ tháng 11-2019 Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng phát sinh theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền, tư cách đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp là 22.034.521 đồng và chịu lãi chậm đóng được tính đến hết tháng 10-2019 là 13.400.721 đồng; kể từ tháng 11-2019 Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng phát sinh theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội; buộc Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Công ty V ủy quyền cho ông Trần Văn P tham gia tố tụng. Tại Điều 47 của Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty V năm 2013 quy định: "Chủ tịch HĐQT là người đại diện Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho Giám đốc điều hành trong giai đoạn tranh tụng". Tuy nhiên, ông P không phải là giám đốc điều hành

của Công ty V. Do đó, việc ủy quyền nêu trên không phù hợp với Điều lệ của Công ty V nên không được chấp nhận.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty V vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày do nhầm lẫn nên trong đơn ghi yêu cầu Công ty V đóng các khoản gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; thực tế, tại thời điểm khởi kiện (ngày 20-12-2018) Công ty V chỉ còn nợ 02 khoản là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông L. Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ (đơn khởi kiện, xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi) và trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của đại diện nguyên đơn, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp".

[1.4] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty V đóng số tiền gốc bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông L là 22.034.521 (so với 22.427.520 đồng theo đơn khởi kiện ban đầu). Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho Công ty V nhưng Công ty V không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hòa giải, không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự việc mà ông L trình bày. Căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[2.2] Theo các Hợp đồng lao động và Quyết định số 341/QĐ-HĐQT ngày 07/12/2015 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Trần Cao L thể hiện ông L là công nhân của Công ty V; ngày 28-4-2016, ông L có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động và được Công ty V đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 08-12-2015 theo Quyết định số 341/QĐ-HĐQT ngày 07-12-2015.

[2.3] Theo xác nhận lập ngày 25-10-2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi cung cấp cho Tòa án, bản trình bày của đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty V

đã khai đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông L tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi mã sổ bảo hiểm xã hội 3596018341 từ tháng 12-2013 đến tháng 11-2015 là 22.034.521 đồng và đã trích thu nhập hàng tháng của ông L nhưng không đóng các loại bảo hiểm cho ông L là không đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 1 Điều 14, các Điều 18, 134 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 nên việc ông L khởi kiện yêu cầu Công ty V phải có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc nêu trên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi chậm đóng bảo hiểm từ tháng 12-2013 đến tháng 10-2019 và lãi phát sinh từ tháng 11-2019 cho đến khi Công ty V đóng xong các khoản nợ bảo hiểm cho ông L: Căn cứ vào khoản 3 Điều 138 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03-02-2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 1379/BHXH-BT ngày 21-4-2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng, trốn bảo hiểm phải được tính lãi suất. Do Công ty V chậm đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông L nên Công ty V phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến hết tháng 10-2019 là 13.400.721 đồng và tiếp tục đóng lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh kể từ tháng 11-2019 cho đến khi đóng xong theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội.

[2.5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp lao động với số tiền là 1.063.057 đồng (3% x 35.435.242 đồng) theo quy định tại Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 18, 91, 92, 94, 134, khoản 3 Điều 138 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; các Điều 6, 47, 186, 201 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 26 của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc Công ty V có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho ông Trần Cao L tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi là 22.034.521 đồng (hai mươi hai triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi mốt đồng); đóng lãi chậm đóng bảo hiểm tính đến hết tháng 10-2019 là 13.400.721 đồng (mười ba triệu, bốn trăm nghìn, bảy trăm hai mươi mốt đồng), tổng cộng là 35.435.242 đồng (ba mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi hai đồng).

2. Kể từ tháng 11-2019, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội cho đến khi đóng xong.

3. Công ty V phải chịu 1,063,057 đồng (một triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh